

Số: 1376 /BC-TMD

Cẩm Phả, ngày 12 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội;

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 5 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29/12/1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08/11/2006 Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

Ngày 18/12/2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02/01/2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20/7/2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28/10/2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
01	Truyền tải và phân phối điện	3512
02	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
03	Xây dựng nhà không để ở	4102
04	Xây dựng nhà để ở	4101
05	Xây dựng công trình công ích khác	4229
06	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
07	Xây dựng công trình đường sắt	4211
08	Xây dựng công trình đường bộ	4212
09	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
10	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13	Phá dỡ	4311
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

TT	Tên ngành	Mã ngành
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Khai thác và thu gom than bùn	0892
25	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
31	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
33	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (chính)
35	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động chính: Phường Mông Dương thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Hoàn thành việc xin chấp thuận chủ trương đầu tư cho dự án Khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương làm cơ sở báo cáo Bộ tài nguyên & Môi trường điều chỉnh gia hạn Giấy phép khai thác số 2760/GP- BTNMT được cấp ngày 31/12/2008 (*Giấy phép có thời hạn đến 31/12/2025*).

+ Tiếp tục tập trung đào lò khai thông tầng -250/-400 trong đó trọng tâm là tuyến lò ngầm -97,5/-400 trong Phương án nâng cao năng lực vận tải để giảm cung độ, thời gian vận tải người, vật liệu từ -97,5 xuống các mức -250, -400.

Song song với các việc nêu trên Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực, phối hợp cùng với nhà thầu (Công ty Xây lắp mỏ) bố trí tối đa gương đẩy mạnh tiến độ thi công hệ thống các đường lò XV TT, sân ga, trạm điện, hầm bơm... mức -400 để khai thông chuẩn bị đảm bảo diện gói cho Công ty các năm tiếp theo khi dần kết thúc mức khai thác trên -250, dự kiến hoàn thành toàn bộ số mét lò còn lại trong năm 2025.

5. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -400 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vĩa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -400 gây nguy cơ bực nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

- Ý thức chấp hành quy trình KT-AT trong sản xuất của công nhân thậm chí là cán bộ CHSX chưa tự giác chấp hành nội quy lao động, quy trình làm việc, biện pháp thi công, quy định an toàn, để xảy ra tai nạn cho bản thân

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

i-1. Doanh thu: Trong năm 2023 sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.346.750 Tấn/KH: 1.319.000 tấn bằng 102,1% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.684,9 tỷ đồng/KH: 2.614 tỷ đạt 102,7% KH bằng 96,3% so với cùng kỳ.

i-2. Nộp ngân sách nhà nước: Công ty đã nộp NSNN là 710 tỷ đồng cao hơn so với cùng kỳ năm trước (509 tỷ đồng) là 210 tỷ nguyên nhân chủ yếu do tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 88 tỷ đồng, thuế GTGT tăng 60 tỷ đồng; thuế tài nguyên tăng 56 tỷ đồng.

i-3. Lợi nhuận: 67,4 tỷ đồng đạt 104,6% KH năm (KH: 64,4 tỷ đồng) bằng 58,5% so với cùng kỳ năm 2022.

i-4. Hệ số khả năng thanh toán: Tại thời điểm 31/12/2023, hệ số khả năng thanh toán của Công ty đạt 0,68 lần/ KH 0,50 lần, vượt kế hoạch TKV giao đầu năm.

i-5. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: thực hiện 2,25 lần/KH: 3,65 lần thấp hơn so với kế hoạch là 1, 4 lần, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 15,67% và tỷ suất lợi nhuận/ tài sản (ROA) là 4,82%.

i-6. Tình hình công nợ: Tổng dư nợ phải thu đến 31/12/2023 là 355,5 tỷ đồng; thấp hơn so với đầu kỳ 294,8 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 46,39%, chủ yếu là giảm dư nợ phải thu tiền than; Nợ phải thu khó đòi là 624 triệu đồng (Công ty đã trích lập dự phòng là 624 triệu đồng). Tổng các khoản nợ phải trả đến 31/12/2023 là 760,6 tỷ đồng; thấp hơn so với đầu kỳ 370 tỷ đồng tương ứng giảm 32,7% chủ yếu do giảm nợ phải trả người bán ngắn hạn, công ty không có nợ quá hạn.

i-7. Tổng tài sản năm 2023 là 1.098,6 tỷ đồng, thấp hơn 23,99% so với đầu kỳ chủ yếu do giảm tài sản nợ phải trả ngắn hạn. Sau khi trích lập dự phòng, mua bảo hiểm tài sản theo quy định, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 67,4 tỷ đồng, điều này cho thấy Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn kinh doanh.

i-8. Giá thành thực hiện: 1.948.562 đ-tấn/KH: 1.932.968 đ-tấn bằng 100,8%.

i-9. Lao động và thu nhập: Lao động danh sách 31/12/2023 là 3.375 người; tăng 38 người so với lao động đầu năm; Tiền lương thực hiện bình quân 20.589.000đ/ng-tháng/KH Tập đoàn TKV: 17.724.000đ/ng-tháng đạt 116,2% (bằng 116,7% so với năm 2022); Tiền lương thợ lò bình quân 23.237.000đ/ng-tháng/KH Tập đoàn TKV: 21.171.000đ/ng-tháng đạt 109,8% (bằng 101,9% so với cùng kỳ năm 2022).

i-10. Than SX: Thực hiện 1.565.000T/KH: 1.550.000T đạt 100,9%KH năm (bằng 100,6% so với cùng kỳ năm 2022).

i-11. Đào lò CBSX: Thực hiện 19.730 m/KH: 19.000m đạt 103,8%KH năm (bằng 99,5% so với cùng kỳ năm 2022); trong đó:

- **Nội bộ thực hiện:** 18.230m/KH: 15.700m đạt 116,1%KH năm (bằng 101% so cùng kỳ năm 2022).

- **Thuê ngoài thực hiện:** 1.500m/KH: 3.300m đạt 45,7%KH năm (bằng 84,1% so cùng kỳ năm 2022).

- **Mét lò neo thực hiện:** 3.200m/KH: 4.000m đạt 80,2%KH năm.

i-12. Mét lò xén: Thực hiện 4.340 m/KH: 3.600m bằng 120,6%KH năm (bằng 107% so cùng kỳ năm 2022).

i-13. Than tiêu thụ: Tổng số thực hiện 1.578.000T/KH: 1.550.000T đạt 101,8% KH năm (bằng 99,8% cùng kỳ năm 2022); Trong đó:

- Than NK giao NMT thực hiện 1.560.000T/KH: 1.540.000T đạt 101,3%KH năm (bằng 103,4% so cùng kỳ năm 2022).

- Than sạch giao KV thực hiện 18.000/KH: 10.000T đạt 180%KH (bằng 24,4% so cùng kỳ năm 2022).

i-14. Tồn kho: 13.240 tấn bằng 75,7% cùng kỳ năm 2022.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Tóm tắt lý lịch của Ban Giám đốc điều hành: (chi tiết như phụ lục số 1)

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:

- Trong năm 2023 danh sách về người có liên quan của Công ty có thay đổi 01 trường hợp do không bổ nhiệm lại cán bộ đối với Kế toán trưởng Công ty mà giao Phụ trách phòng Kế toán, cụ thể:

- + Không bổ nhiệm lại kế toán trưởng đối với Ông Phạm Cẩm Hải
- + Giao phụ trách phòng kế toán cho Ông Hà Đức Hiền (đến ngày 22/3/2023)
- + Giao phụ trách công tác kế toán trưởng, phụ trách phòng kế toán cho Bà Nguyễn Tuyết Mai từ ngày 22/3/2024.

c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty: Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.375 người; tăng 38 người so với lao động đầu năm; Tiền lương thực hiện bình quân là 20,589 triệu đồng/người/tháng bằng 116,2% KH

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2023 được TKV thông qua tại văn bản số 6227/TKV-ĐT ngày 19/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2023 và Quyết định số 3952/QĐ-TMD ngày 22/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 – Công ty cổ phần than Mông Dương – Vinacomin (điều chỉnh).

3.1. Tình hình thực hiện một số dự án như sau:

(i). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021

- Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 1908/TKV-ĐT ngày 05/5/2021 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1028/QĐ-TMD ngày 19/5/2021. Được điều chỉnh tại Quyết định số 1834/QĐ-TMD ngày 02/8/2022, Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 75.229 triệu đồng.

- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư bổ sung và thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, không còn khả năng sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, ổn định và phát triển sản xuất trong năm 2021 và các năm tiếp theo của Công ty.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 48 danh mục thiết bị phục vụ sản xuất trong các khâu: Đào chống lò, vận tải, thông gió, thoát nước, cơ điện và phục vụ khác.

- Thời gian thực hiện DA: Năm 2021-2023

- Kế hoạch giao năm 2023 (điều chỉnh): 18.669 triệu đồng;

- Tình hình thực hiện năm 2023: 18.730 triệu đồng (Trong đó: 872 tr.đồng giá trị trả nợ năm trước; 17.858 tr. đ giá trị thực hiện chuyển tiếp năm 2022 sang năm 2023)
- Thực hiện lũy kế đến đến thời điểm báo cáo: 72.269 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 71.666 triệu đồng;
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.

- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Đã kiểm toán xong và đang thẩm định phục vụ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

- Mục tiêu năm 2024: Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành

(ii). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2022

- Dự án được TKV thông qua tại văn bản số 1864/TKV-ĐT ngày 26/4/2022 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-TMD ngày 16/5/2022, Trong đó:

- Tổng mức đầu tư: 92.331 triệu đồng.
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư bổ sung và thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, không còn khả năng sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động ổn định và phát triển sản xuất trong năm 2022 và các năm tiếp theo của Công ty.

- Quy mô đầu tư: Quy mô đầu tư: Đầu tư mới 37 danh mục thiết bị phục vụ sản xuất trong các khâu: Vận tải, khai thác, thông gió, thoát nước, điện, an toàn và phục vụ phụ trợ.

- Thời gian thực hiện DA: Năm 2022-2023
- Kế hoạch giao năm 2023 (sau điều chỉnh): 49.232 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2023: 51.111 triệu đồng (Trong đó: 10.840 tr.đồng giá trị trả nợ năm trước; 40.271 tr. đ giá trị thực hiện chuyển tiếp năm 2022 sang năm 2023)
- Thực hiện lũy kế đến đến thời điểm báo cáo: 77.867 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 62.952 triệu đồng;
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.

- Tình hình kiểm toán và phê duyệt quyết toán dự án: Đang kiểm toán

- Mục tiêu năm 2024: Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành

(iii). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2023

Dự án đã được TKV thông qua tại công văn số 2185/TKV-ĐT ngày 16/5/2023 và được giám đốc Công ty phê duyệt tại Quyết định số 11878/QĐ-TMD ngày 03/7/2023

- Tổng mức đầu tư là 110.706 triệu đồng
- Thời gian thực hiện DA: 2023-2024.
- Kế hoạch giao năm 2023 (sau điều chỉnh): 21.964 triệu đồng;
- Tình hình thực hiện năm 2023: 20.772 triệu đồng;
- Thực hiện lũy kế đến đến thời điểm báo cáo: 20.772 triệu đồng;
- Giải ngân đến thời điểm báo cáo: 13.894 triệu đồng;
- Đánh giá tiến độ thực hiện DA so với tiến độ đã được phê duyệt: Tiến độ thực hiện dự án đạt yêu cầu so với kế hoạch.

- Mục tiêu năm 2024: Hoàn thành các hạng mục của dự án

(iv). Dự án đầu tư xây dựng trạm biến áp 35/6kV mỏ than Mông Dương - Công ty cổ phần than Mông Dương.

- Dự án đã được TKV thông qua tại văn bản số 5474/TKV-ĐT ngày 07/11/2023. Hiện đã lập xong hồ sơ xin chấp thuận địa điểm quy hoạch và đang trình UBND thành phố Cẩm Phả thông qua.

- Năm 2024 triển khai lập quy hoạch chi tiết và chủ trương đầu tư

3.2. Kết quả thực hiện kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Kế hoạch ĐTXD năm 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH điều chỉnh
	TỔNG (A+B+C)	90.138	90.820	100,65%
A	Trả nợ khối lượng năm trước	10.078	11.713	
1	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021	902	872	
2	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2022	9.176	10.840	
B	Kế hoạch 2023	80.060	79.107	
B1	Kế hoạch thực hiện dự án	79.986	79.107	
I	Dự án chuyển tiếp	57.823	58.129	
1	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021	17.767	17.858	
2	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2022	40.056	40.271	
II	Dự án khởi công mới	22.164	20.987	
1	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2023-Công ty cổ phần than Mông Dương	21.964	20.772	
2	Dự án đầu tư xây dựng trạm biến áp 35/6 kV mỏ than Mông Dương - Công ty cổ phần than Mông Dương	200	206	
B2	Chuẩn bị dự án	73	-	
1	Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2024	73	-	

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2023

TT	CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		So sánh (%)
		ĐẾN CUỐI QUÝ		
		NĂM NAY 2023	NĂM TRƯỚC 2022	
A	B	1	2	3=1/2*100
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.697.441.780.864	2.801.523.066.828	96,28
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.697.441.780.864	2.801.523.066.828	96,28
4	Giá vốn hàng bán	2.434.327.959.836	2.496.219.161.003	97,52
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	263.113.821.028	305.303.905.825	86,18
6	Doanh thu hoạt động tài chính	865.162.707	788.569.982	109,71
7	Chi phí tài chính	28.893.462.066	34.199.623.154	84,48
	Trong đó: chi phí lãi vay	28.893.462.066	34.199.623.154	84,48
8	Chi phí bán hàng	18.438.850.233	20.661.669.241	89,24
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	150.085.762.871	138.220.402.088	108,58
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.560.908.565	113.010.781.324	58,90
11	Thu nhập khác	1.402.677.987	2.614.807.268	53,64

TT	CHỈ TIÊU	LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM		So sánh (%)
		ĐẾN CUỐI QUÝ		
		NĂM NAY 2023	NĂM TRƯỚC 2022	
A	B	1	2	3=1/2*100
12	Chi phí khác	547.140.190	299.062.204	182,95
13	Lợi nhuận khác	855.537.797	2.315.745.064	36,94
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.416.446.362	115.326.526.388	58,46
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.734.476.300	88.693.446.783	15,49
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(63.002.822.981)	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.681.970.062	89.635.902.586	59,89
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.506	4.185	59,89

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,68	0,87	78,13
	Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn			
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,59	0,80	73,68
	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,69	0,78	88,51
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,25	3,59	62,65
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	40,05	54,09	74,04
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,46	1,94	126,68
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,03	62,20
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,28	55,02
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,06	77,73
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,04	60,71

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	12	1682
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	13.921.925	65,0%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		0
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	3.857.153	18,01%	10	1682
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>477.091</i>	<i>2,22%</i>		<i>528</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Nguồn vốn Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	13.921.925	65,0%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.913.453	18,27%	3	9

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 13.921.925 cổ phần, chiếm 65,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag –Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2022 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

TT	Loại năng lượng		Đơn vị tính (*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú
1	Điện	Điện mua vào	kWh	42,864,650	
		Điện tự sản xuất	kWh	106,402	

		Điện bán ra	kWh	394,616	
2	Than cám 5B.1		Tấn	531.88	
3	Than cục		Tấn	408.81	
4	Dầu DO		Lít	790,030	
5	LPG		Tấn	0	
6	Khí tự nhiên (Natural Gas)		Kg	17,271	
7	Xăng		Lít	95,045	
8	Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel)		Tấn	0	
9	Gỗ/Trấu		Tấn	0	
10	Các dạng sinh khối khác (Biomass...)		Tấn	0	

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:

Công tác thu gom xử lý nước thải mở được quan tâm đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, lượng nước thải phát sinh trong quá trình khai thác được xử lý trong năm 2023/ kế hoạch (điều chỉnh) là 9.628.727m³/11.378.698m³. Chi phí xử lý nước thải là 36.143 Tr.đồng/39.370 Tr. đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động của Công ty là 3.375 người; tăng 38 người so với lao động đầu năm; Tiền lương thực hiện bình quân là 20,589 triệu đồng/người/tháng bằng 116,2% KH

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đẩy mạnh cơ giới hóa trong đào lò và khai thác tại các khu vực có khả năng áp dụng dây chuyền cơ giới hóa để tăng năng suất lao động, giảm lao động dây chuyền, phục vụ (đưa lò chợ giá khung xích vào hoạt động thay thế lò chợ giá XDY, đưa máy đào lò, tời cào, băng tải nhỏ để tăng năng suất đào lò). Nghiên cứu, áp dụng các dây chuyền công nghệ phù hợp với khoáng sàng của Công ty tại các khu vực có điều kiện địa chất phức tạp (giàn chống mềm ZRY khai thác vỉa dốc, giá TLPT ZH, giá khung xích khai thác vỉa dày...) để tăng năng suất, giải phóng sức lao động cho công nhân.

- Duy trì và mở thêm tuyến tàu chở người từ trung tâm vào đến sát vị trí làm việc để giảm thời gian đi lại, đỡ mất sức cho công nhân; đầu tư, lắp đặt các thiết bị vận chuyển vật tư, vật liệu thi công tới gần vị trí làm việc ở tất cả các khu vực sản xuất để giảm mức độ nặng nhọc cho người lao động (hạn chế đến mức thấp nhất cung độ vận chuyển thủ công).

- Tăng cường công tác thông gió, quản lý khí, chống ồn, chống bụi, khắc phục sự lầy lội, vật tư, vật liệu bừa bộn, làm tốt vệ sinh công nghiệp trong hầm lò đảm bảo môi trường lao động trong hầm lò; tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở nhà giao ca, cửa lò, mặt bằng sân công nghiệp để thợ lò mới, học sinh về thực tập không có cảm giác sợ hãi, chán nản khi lần đầu tiếp xúc với thực tế.

- Xây dựng quy chế, quy định về tiền lương và chế độ, chính sách đảm bảo khuyến khích được người lao động, tạo động lực tăng năng suất, thu nhập cho người lao động để thu hút và giữ chân lực lượng lao động; Xây dựng quy định trả lương khoán cho cán bộ các PX gắn với công tác quản lý lao động, doanh thu PX đổi mới tư duy, nhận thức, tầm nhìn từ đó có các phương pháp quản lý lao động phù hợp với su thế xã hội và điều kiện cạnh tranh lao động hiện tại. Trong năm đã xây dựng phương án tăng lương cơ điện theo các Quyết định số 1803/QĐ-TKV, ngày 28/12/2021 và tăng lương cho các chức danh nghề từ 01/10/2022 theo hướng dẫn Công văn số 4841/TKV-TCNS, ngày 25/10/2022.

- Duy trì các chế độ ưu đãi đối với thợ lò về ăn ca theo hình thức tự chọn, xe đưa đón đi làm, tắm nước nóng, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng hơn.

- Duy trì các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần thợ lò như khen thưởng thợ lò là lao động giỏi, ngày công cao, đạt năng suất kỷ lục, thợ lò xuất sắc trong các kỳ thi chọn thợ giỏi; Tổ chức cho gia đình của công nhân lao động trực tiếp trong hầm lò xuất sắc trong sản xuất được đi tham quan nghỉ mát; tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao quần chúng do người lao động trực tiếp tham gia hoặc phục vụ trực tiếp người lao động để thợ lò được thưởng thức văn hóa tinh thần, hạn chế sa vào các tệ nạn do nhàn rỗi.

- Công ty thực hiện nghiêm túc, các chế độ chính sách đối với người lao động, duy trì sử dụng các quỹ (khen thưởng, phúc lợi, hoạt động xã hội) để khuyến khích CBCN trong lao động sản xuất và hỗ trợ, trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

- Công ty đã xây dựng Phương án số 1566/PA-TMD, ngày 26/5/2023 về việc cho tất cả CBCNV đi nghỉ dưỡng sức cuối tuần (vào thứ 7 và chủ nhật) thực hiện từ tháng 7/2023. Trong năm đã tổ chức cho 3.430 CBCNV thuộc các đơn vị trong Công ty đi nghỉ dưỡng sức cuối tuần; Tổ chức cho gia đình thợ mỏ đi thăm quan nghỉ mát cuối tuần với 140 người (trong đó: thợ mỏ là 40 người và người thân là: 110 người).

- Tổ chức cho CBCN thuộc đối tượng bị mắc bệnh bụi phổi silico đi rửa phổi tổng 13 đợt 39 người; Tổ chức cho CBCNV lao động xuất sắc, bệnh nghề nghiệp, TNLD, ốm dài hạn, CBCNV có thời gian công tác lâu năm được đi nghỉ dưỡng sức hỗ trợ điều trị tổng số 349/320 theo kế hoạch phân bổ của TKV năm 2023;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 02 lần cho 6.374 lượt CBCNV trong Công ty; Khám sức khỏe chuyên đề cho 509 lao động nữ của Công ty.

- Trợ cấp khó khăn thường xuyên 15 người với số tiền 130.000.000đồng; Tặng quà sinh nhật cho 3.443 người, với số tiền là 516.450.000 đồng ; Thăm hỏi ốm đau, thai sản, thăm viếng thân nhân CBCNV 989 lượt người với số tiền là 1.159.500.000 đồng;

- Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho CN có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn 9 hộ với tổng số tiền 420.000.000 đồng; Công tác từ thiện hỗ trợ chính sách các địa phương, tổ chức chính trị xã hội 391 triệu đồng. Giải quyết chế độ nghỉ ốm trong năm 2023 là 11.800 lượt người với tổng số 28.154 ngày công với số tiền 8.043.056.300 đồng; Giải quyết chế độ thai sản năm 2023 là 181 lượt người với tổng số 2.093 công, tổng số tiền là 779.201.800 đồng do BHXH tỉnh Quảng ninh chi trả.

- Chế độ trợ cấp, bồi thường TNLD số người 36 người, số tiền là 1.305.984.971 đồng ; Chế độ bồi thường bệnh nghề nghiệp số người 23 người, số tiền là 2.752.834.100 đồng.

- Kết hợp với BHXH tỉnh Quảng Ninh, điều chỉnh thông tin cấp lại sổ BHXH cho 52 người, giải quyết chế độ hưu trí cho 20 người đúng quy định. Chốt sổ BHXH, báo tăng, giảm cho người lao động theo đúng quy định, kịp thời gian, để người lao động yên tâm công tác.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công tác quản lý lao động:

Công ty đã tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả số lao động hiện có, giám sát việc giao việc, quản lý thời giờ làm việc của cán bộ đối với người lao động, hạn chế tối đa công nhân nghỉ làm, ra sớm, về trước giờ quy định; quản lý chặt chẽ công nghỉ việc vô lý do; Người lao động ốm đau, mệt mỏi được giải quyết nghỉ ốm hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội giảm số công nghỉ không hưởng lương. Kết quả bằng các biện pháp quản lý và cơ chế khuyến khích tiền lương ... trong năm tỷ lệ huy động lao động chung toàn Công ty đạt 92 %, trong đó khối khai thác, đào lò đạt 86,3% và bình quân công thợ lò đạt 20,5 công/người-tháng và lao động danh sách của Công ty 3.375/3.380 người kế hoạch bằng 99,8%, lực lượng lao động Công ty duy trì ổn định.

- Công tác tuyển dụng lao động:

* Các việc đã thực hiện:

Ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng và ban hành phương án tuyển dụng lao động số 247/PA-TMD, ngày 16/02/2023 đưa ra các giải pháp phù hợp theo điều kiện thực tế của Công ty, như: Phối hợp chặt chẽ với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản, thành lập các đoàn công tác để đi tư vấn, tuyên truyền, quảng bá về Công ty tại các địa phương để tuyển lao động, giao chỉ tiêu tuyển lao động cho các phòng, phân xưởng trong Công ty để nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động... đặc biệt tăng thu nhập nhằm giữ chân và thu hút lao động về Công ty.

* Kết quả thực hiện năm 2023:

Năm 2023 Công ty tuyển dụng 278/317 lao động KH đạt 87,7% (Trong đó: Thợ lò 224/220 lao động đạt 101,8% KH, Cơ điện lò 48/80 lao động đạt 60% KH, lao động khác 06/17 đạt 35,3% KH). Số lao động tuyển dụng được kịp thời bổ sung, thay thế lao động nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động góp phần duy trì ổn định lực lượng lao động phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2023 Công ty đã có các giải pháp phù hợp tăng cường công tác tái tuyển lao động làm việc trong hầm lò (đã tái tuyển 71/278 lao động là công nhân cũ của Công ty chiếm 25,5% tổng lao động tuyển mới của Công ty).

- Công tác tuyển học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò gửi đi đào tạo tại Trường Cao đẳng TKV:

* Các việc đã thực hiện:

Công tác tuyển sinh: Xác định công tác tuyển sinh nghề khai thác mỏ hầm lò ngày càng khó khăn, đặc biệt đối với Công ty do đặc thù về điều kiện địa lý, khai thác ngày càng xuống sâu... nên ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp để thu hút học sinh như:

+ Duy trì các tuyến xe đưa đón công nhân từ Tiên Yên, Đầm Hà, Bình Liêu, Đông Rui; kéo dài các tuyến Ba Chẽ vào Đông Rui, kéo dài 02 tuyến xe đón công nhân khu vực Bình Liêu: từ trung tâm huyện về cửa khẩu Hoàn Mô (15km) (xã Pắc Pộc) và thêm 01 tuyến kéo dài từ xã Húc Động (11km) nhằm thu hút lao động tại các khu vực này. Đến tháng 10/2023 đã chuyển đổi 4 xe ghé ngồi bằng xe giường nằm đón công nhân từ Bình Liêu và Đầm Hà nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tăng thời gian nghỉ ngơi trên quãng đường di chuyển cung độ dài.

+ Có chế độ khuyến khích phù hợp cho CBCNV tham gia công tác tuyển sinh (thưởng 2.000.000 đồng/01 học sinh nghề khai thác, 3.000.000 đồng/01 học sinh nghề cơ điện hầm lò và trung cấp nghề khai thác mỏ hầm lò. CBCNV các đơn vị đã tham gia tuyển được 96 học sinh góp phần vào kết quả tự tuyển của Công ty đạt cao (192%) so với kế hoạch Tập đoàn

giao (20% doanh nghiệp tự tuyển). Đứng đầu toàn tập đoàn về tỷ lệ (%) doanh nghiệp tự tuyển.

+ Mỗi quý một lần Công ty cùng Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản tổ chức họp đánh giá kết quả tuyển sinh, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu theo KH được giao. Duyệt và cấp phát tiền học bổng cho hàng quý cho học sinh và công nhân học tại công ty học trình độ trung cấp trở lên.

* Kết quả thực hiện năm 2023:

Năm 2023 Công ty phối hợp với trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam tuyển sinh 250/250 học sinh nghề khai thác và Cơ điện mỏ hầm lò đạt 100% kế hoạch năm (Trong đó: Công ty tuyển 96/50 học sinh đạt 192% KH năm, Nhà trường tuyển: 154/200 học sinh, đạt 77% KH năm). Kết quả tuyển sinh hoàn thành KH năm trước thời hạn 6 tháng, kết quả tự tuyển của Công ty đạt cao (192%) so với kế hoạch TKV giao (20% doanh nghiệp tự tuyển).

- Công tác đào tạo khác:

- Tổ chức các lớp đào tạo thêm nghề, kiêm nghề, chuyển giao công nghệ mới cho 698 lao động các đơn vị, đáp ứng yêu cầu SX của Công ty.

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 594 CBCNV; Huấn luyện cấp chứng chỉ AT, đánh giá kỹ năng nghề cho 2.542 người lao động; Bồi dưỡng, huấn luyện chính trị, an ninh quốc phòng cho 256 CBCNV đảm bảo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBCNV của Công ty.

+ Phối hợp với Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản VN tổ chức 02 lớp đào tạo thêm nghề từ sơ cấp nghề Vận hành thiết bị mỏ hầm lò sang khai thác mỏ hầm lò tại Công ty cho 48 công nhân và 36 công nhân PX VTL2 học nghề Vận hành tàu điện ắc quy trong hầm lò;. Mở 04 lớp liên thông từ sơ cấp lên trung cấp và từ trung cấp lên cao đẳng cho 113 công nhân thuộc các đơn vị trong Công ty có nguyện vọng học để nâng cao trình độ và đủ điều kiện để quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyên góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2023, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (Không có)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2023 là một năm có nhiều khó khăn trong SXKD đối với Công ty CP than Mông Dương: Điều kiện địa chất mỏ có nhiều biến động và sai khác với kế hoạch, các vỉa than phân tán manh mún nhỏ lẻ gây khó khăn cho công tác mở vỉa và hoạch định bài bản, cung độ vận chuyển xa, thời gian đi lại đến vị trí làm việc chiếm nhiều trong thời gian ca làm việc. Mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng bởi các khó khăn đã nêu trên tuy nhiên với sự đồng lòng của hệ thống chính trị; thực hiện theo mục tiêu chung của toàn Tập đoàn là “An toàn - Phát triển -

Hiệu quả” Công ty đã tập trung triển khai áp dụng công nghệ mới, phát huy tối đa năng lực, hiệu quả dây chuyền lò chợ CGH hiện có, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động, nâng cao năng suất, xiết chặt quản lý an toàn lao động, an toàn môi trường, an ninh trật tự, an sinh xã hội, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động. Duy trì tốt đoàn kết nội bộ, với tinh thần KỶ LUẬT và ĐỒNG TÂM Công ty đã cơ bản hoàn thành được các chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2023, đời sống và thu nhập của CB CNV ở mức cao trong Tập đoàn.

TT	Danh mục	ĐVT	KH 2023	Thực hiện năm 2023	% TH/KH năm
A	Sản xuất				
I	Than sản xuất	Tấn	1.550.000	1.565.000	100,9
1	Than hầm lò	Tấn	1.550.000	1.565.000	100,9
II	Mét lò đào tổng số	M	19.000	19.750	103,9
1	Đào lò CBSX	M	19.000	19.750	103,9
	- Nội bộ làm	“	15.700	18.250	101,1
	+ Mét lò neo	“	4000	3.250	81,3
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	3.300	1500	45,6
III	Lò xén	M	3.600	4320	112
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.550.000	1.579.000	101,9
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.540.000	1.561.000	101,4
2	Than sạch giao KV	Tấn	10.000	18.000	180
C	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.614.000	2.665.000	102
D	Lợi nhuận	Tr.đ	64.437	68	105,5
E	Số lao động	Người	3.380	3.375	
F	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	17.724	18.994	107
G	Lương BQ CN lò	Tr.đ/ng/th	21.171	22.773	107,6
H	Tồn kho	Tấn		11.000	

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2023 được tóm lược cơ bản bởi những thành tựu và điểm nhấn nổi bật như sau:

- Là năm thứ 5 liên tiếp công ty đạt sản lượng than hầm lò thiết kế (>1,5 triệu tấn/năm) trong đó tháng 3 đạt sản lượng kỷ lục than hầm lò > 166.500T.

- Là năm tiếp tục thành công lớn trong công tác GGH: Mặc dù lò chợ CGH trong năm có chuyển diện tuy nhiên vẫn vượt nhiều so với công suất thiết kế (Thực hiện 380.000T/CSTK 300.000T vượt 126%KH).

- Chuẩn bị dự án khai thác của tầng -250÷-550 được triển khai quyết liệt: Kết thúc năm Công ty đã hoàn thành 70,6% số mét lò CBSX khai thông tầng -250/-400 và được TKV thông qua Phương án nâng cao năng lực vận tải duy trì sản xuất ổn định mỏ than Mông Dương.

- Là năm công ty tiếp tục triển khai chiến lược phát triển một cách bài bản: Công ty đã được TKV chuyển giao quản lý, bảo vệ ranh giới mỏ, tài nguyên trữ lượng than tại mỏ Bắc Cọc sáu (dưới mức -200) và găm mỏ Cọc Sáu, hiện nay Công ty đang phối hợp cùng đơn vị tư vấn nghiên cứu đánh giá tổng hợp tài liệu địa chất chuẩn bị cho công tác định hướng đầu tư Dự án

Cải tạo mở rộng khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương- Công ty Than Mông Dương theo hướng Quy hoạch Hợp nhất mỏ Mông Dương- mỏ Bắc Cọc Sáu - găm Cọc Sáu.

- Là năm công tác chăm lo đời sống người lao động và cải tạo cảnh quan, môi trường mô tiếp tục được duy trì và cải thiện rõ rệt. Duy trì bữa ăn tự chọn và nước tăng lực đảm bảo dinh dưỡng cho CB CNV. Sửa chữa nhà ở Công nhân C2... tổ chức CB CNV đi nghỉ dưỡng cuối tuần và các gia đình thợ lò xuất sắc cùng vợ, con đi nghỉ dưỡng tại Hạ Long, Cát Bà, Móng Cái. Đặc biệt từ đầu tháng 10 năm 2023 Công ty đã triển khai đưa đón công nhân đi làm tuyến xe Miền Đông bằng xe giường nằm đảm bảo chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Các chế độ chính sách đối với người lao động được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Là năm thành công rực rỡ trong công tác tuyển sinh thợ lò, cơ điện lò (kết thúc tháng 6 năm 2023 đã tuyển sinh đủ 100% chỉ tiêu năm), là năm nhân lực công ty tăng trưởng dương (số nhân lực tuyển dụng mới tăng 38 người bù vào số lao động hao hụt do nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động nhằm duy trì hoạt động SXKD của Công ty).

- Là năm điều kiện vận tải của toàn Công ty được cải thiện rõ rệt: Công ty đã đầu tư lắp đặt xong hệ thống tời dây phục vụ người đi lại và hệ thống vận tải vật liệu. Hệ thống đường sắt được đầu tư sửa chữa định kỳ thường xuyên cùng với hệ thống vận tải chung góp phần vào đáp ứng được năng lực vận tải đạt sản lượng theo công suất thiết kế của Công ty.

- Công tác văn hóa thể thao thi đua đạt nhiều thắng lợi trong đó nổi bật giải nhì đôi nữ môn Tennis và giải nhì môn cờ tướng nam tại hội thi do TKV tổ chức và sau 7 năm Công ty đã tổ chức thành công Hội diễn Văn nghệ quần chúng năm 2023. Tham gia các hội thi do TKV tổ chức đạt nhiều thành tích cao (giải nhì Hội thao cấp cứu mỏ bán chuyên, giải nhì ATVSV, giải khuyến khích thợ giỏi, giải 3 nấu ăn..).

- Công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được quan tâm đúng mức và ngày càng đi vào chiều sâu và nền nếp: Công ty lập đường dây nóng Hotline chuyên nhận các phản ánh, kiến nghị của CB CNV. Ngoài ra các vấn đề lớn, quan trọng đều được được lãnh đạo Công ty đưa ra họp bàn trước khi triển khai, thực hiện.

- Công tác quản trị doanh nghiệp được quan tâm đúng mức, có chiều sâu. Các quy chế, quy định được rà soát tổng thể để chỉnh sửa hoàn thiện phục vụ cho công tác điều hành, kiểm soát, quản trị của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản năm 2023:

2. Tình hình tài chính:

b) Tình hình tài sản năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.098.574.193.791	1.445.319.916.322
1.1	Tài sản ngắn hạn	429.384.273.442	758.345.609.851
1.2	Tài sản dài hạn	669.189.920.349	686.974.306.471
	Trong đó: TSCĐ HH	488.373.586.748	512.130.327.125
2	Doanh thu thuần	2.697.441.780.864	2.801.523.066.828
3	Lợi nhuận trước thuế	67.416.446.362	115.326.526.388
4	Lợi nhuận sau thuế	53.681.970.062	89.635.902.586

Trong năm 2023, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất với tổng mức đầu tư là: 59.494 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là : 62.685 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 1,06 triệu đồng.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 16.665 triệu đồng. (Trong đó tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật là 16.665 triệu đồng).

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2023 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 5,52 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022(đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	1	2	(3=1/2*100)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	628.458.655.307	867.168.474.349	72,47
1	Vay và nợ ngắn hạn	276.437.506.123	290.328.045.936	95,22
2	Phải trả người bán	141.331.602.149	262.012.074.828	53,94
B	Nợ dài hạn	132.146.574.338	263.436.806.552	50,16
1	Vay và nợ dài hạn	117.672.971.030	249.986.855.506	47,07
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	760.605.229.645	1.130.605.280.901	67,27

Tổng các khoản nợ phải trả giảm so với đầu kỳ là: 370.000 triệu đồng, tương ứng giảm 32,72%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Nợ phải trả ngắn hạn giảm 238.710 triệu đồng, tương ứng giảm 27,53%, nợ dài hạn giảm 131.290 triệu đồng, tương ứng giảm 49,84%. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2023 Công ty vẫn thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước, trả nợ người bán và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khắc trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023 Công ty đã triển khai một số giải pháp để tiết giảm lao động như: đã triển khai Phương án xã hội hóa thuê ngoài một số dịch vụ cho người lao động như bảo vệ trụ sở cơ quan, bảo vệ khu tập thể công nhân và vệ sinh công nghiệp theo QĐ số 2372/QĐ-TMD ngày 23/9/2022 và được TKV thông qua tại văn bản số 1275/TKV-TCNS ngày 29/03/2023. Đồng thời Công ty đang phổ biến và triển khai các nội dung liên quan đến Quyết định phê duyệt Đề án tái cơ cấu lại TKV đến năm 2025 (QĐ số 1263/QĐ-TTg, ngày 27/10/2023) theo yêu cầu của Chính phủ và TKV.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị - Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có (Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Trong năm 2023, Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin thực hiện trồng cây cải tạo phục hồi môi trường tại khu vực kết thúc khai thác lộ thiên Cánh Tây Mông Dương đạt 18,42 ha/ 28,2ha. Chi phí thực hiện phục hồi môi trường năm 2023 đạt 7.703,8 Tr. đồng/9.602 Tr. đồng; Ngoài ra Công ty còn thực hiện trồng cây phủ xanh trong mặt bằng công nghiệp với diện tích 1,4ha tại khu vực bãi thải Cánh Đông và xung quanh khu vực mặt bằng +10 Đông Bắc Mông Dương.

- Công tác chống bụi, vệ sinh môi trường giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp như: Phun sương cao áp tại khu vực Kho than trung tâm, tưới nước dập bụi trên đường vận chuyển và xúc dọn vệ sinh mặt bằng và đường nội bộ định kỳ vào thứ 7 hằng tuần. Kết quả quan trắc năm 2023 cho thấy hàm lượng bụi từ 207 ÷ 275 μ g/m³ trong khoảng cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí.

- Các chất thải được Công ty thu gom phân loại nhập kho rồi chuyển giao cho các đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định, cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải thông thường: Phát sinh từ các văn phòng, nhà ăn, lá cây quét dọn từ các khuôn viên hằng ngày được thu gom về các xe gom rác chuyển dùng sau đó thuê Công ty cổ phần Môi trường Tuần Đạt thực hiện thu gom vận chuyển đi xử lý theo Quy định. Khối lượng thu gom vận chuyển trong năm 2023 là 1496,5m³ quy đổi tương đương 628,5 tấn.

+ Đối với chất thải nguy hại Công ty thu gom nhập kho chất thải nguy hại xong thuê Công ty TNMTV Môi trường - TKV. Khối lượng chất thải nguy hại thu gom xử lý trong năm 2023 là 72.757kg.

+ Đối với chất thải công nghiệp thông thường Công ty tổ chức thu gom nhập kho thu hồi sau đó thuê Công ty TNMTV Môi trường – TKV và Công ty cổ phần cơ khí Hòn Gai - Vinacomin thu gom vận chuyển xử lý và tái chế theo quy định. Lượng chất thải thực hiện thu gom vận chuyển xử lý trong năm 2023 là 560.597,5kg.

- Công tác thu gom xử lý nước thải mỏ được quan tâm đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, lượng nước thải phát sinh trong quá trình khai thác được xử lý trong năm 2023/ kế hoạch (điều chỉnh) là 9.628.727m³/11.378.698m³. Chi phí xử lý nước thải là 36.143 Tr.đồng/39.370 Tr. đồng.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà

nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen thưởng các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm Công ty còn trích từ chi phí sản xuất hỗ trợ cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát. Ngoài ra trong năm Công ty còn tổ chức 02 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, để kịp thời phát hiện các trường hợp có bệnh hoặc sức khỏe yếu để đưa đi điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở của Tập đoàn và Nhà nước. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2023, HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các quy chế đã ban hành và xây dựng một số quy chế mới để trình HĐQT xem xét phê duyệt và ban hành áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và của TKV. Năm 2022, Giám đốc điều hành Công ty đã trình HĐQT phê duyệt các Quy chế nhằm tăng cường quản lý Công ty trên các mặt quản lý cán bộ, An toàn vệ sinh lao động...; Trong SXKD của Công ty; Đảng ủy, Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCNV và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Công tác An toàn: Với mục tiêu “An toàn là số một”, năm 2023 vừa qua, Công ty tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho các đối tượng theo đúng kế hoạch đề ra. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, tăng cường kiểm tra công tác an toàn lao động (định kỳ, đột xuất). Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức tự chủ an toàn cho người lao động, và duy trì việc theo dõi thực hiện công tác an toàn qua hệ thống Camera giám sát. Tuy nhiên trong năm 2023 vẫn để xảy ra 01 vụ Tai nạn lao động nghiêm trọng làm chết 01 công nhân.

- Công tác An ninh trật tự: Tiếp tục được duy trì ổn định, thực hiện quyết liệt, ngăn chặn việc xâm nhập khai trường, kiểm soát người và thiết bị hoạt động tại khai trường và ra vào khai trường... Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Công tác thi đua-khen thưởng: Ngay từ đầu năm, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng trong toàn Công ty với mục tiêu An toàn - Đổi mới - Phát triển.

- Công tác phối hợp với các đoàn thể, quần chúng trong Công ty và cơ quan chính quyền địa phương: Cùng với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho CBCNV về nhiệm vụ SXKD và những giải pháp của Công ty; thực hiện tốt công tác phối hợp đẩy mạnh và phát động các phong trào thi đua LĐSX; công tác đảm bảo AT-VSLĐ; bảo vệ môi trường... tạo sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao. Đối với chính quyền địa phương tăng cường hợp tác, phối hợp đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn. Phối hợp tuần tra, kiểm soát chung giữa Công ty - UBND - Công an phường tại các khu vực ranh giới mỏ quản lý.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2023, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

năm 2023 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2023, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2023; Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm đầy đủ cho các thiết bị, lợi nhuận vẫn còn do đó Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả. Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký với các đối tác kinh doanh trong năm 2023 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tập đoàn trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Công ty áp dụng thang bảng lương và chế độ đối với người lao động theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và của Công ty. Công ty đã ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch được giao và điều kiện thực tế của Công ty trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đề ra một số giải pháp chỉ đạo chủ yếu như sau:

- Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xuống sâu khai thác hầm lò mỏ than Mông Dương để duy trì SX cho các năm tiếp theo.

- Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong các công đoạn, dây chuyền và tổ chức sản xuất. Triển khai công tác xã hội hóa ở một số khâu dây chuyền sản xuất.

- Triển khai thực hiện cơ chế tuyển dụng, thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

- Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường tính minh bạch thông tin, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa lò chợ, tự động hóa vào sản xuất để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, quản trị chi phí...

- Giữ giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn bảo hộ lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

- Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác môi trường. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với truyền thống kỹ luật đồng tâm, vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn Phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a. Thay đổi thành viên HĐQT: Trong năm 2023 thay đổi 03 thành viên HĐQT: Ông Trần Thế Thành nghỉ chế độ hưu trí và ĐHCĐ bầu Ông Nguyễn Trọng Tốt làm thành viên HĐQT; Ông Vũ Tiến Quang miễn nhiệm thành viên HĐQT công ty bổ nhiệm 01 thành viên độc lập HĐQT Ông Phạm Văn Tác

b. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Ghi chú
1	Trần Thế Thành	Chủ tịch	Không ĐH	Miễn nhiệm 01/7/2023
2	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch	Không ĐH	Bổ nhiệm 01/7/2023
3	Hoàng Trọng Hiệp	Thành viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 01/7/2023
4	Vũ Tiến Quang	Thành viên	Điều hành	Miễn nhiệm từ 01/7/2023
5	Ngô Xuân Thủy	Thành viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 01/07/2023
6	Vadym D'omin	Thành viên	Không ĐH	Bổ nhiệm từ 01/07/2023
7	Phạm Văn Tác	Thành viên độc lập	Không ĐH	Bổ nhiệm từ 21/10/2023

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị, 04 thành viên Hội đồng quản trị; Có 03 (ba) thành viên không điều hành và 02 (hai) thành viên điều hành.

c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban. Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

d) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực

té sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

e) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trong năm 2023, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra. Trong năm Công ty đã kiện toàn được thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong lĩnh vực thẩm định hồ sơ và thực hiện chức năng của thành viên độc lập HĐQT.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2023 các thành viên HĐQT tự trau dồi các kiến thức về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát : Trong năm 2023, Ban kiểm soát của Công ty có 01 sự thay đổi. Miễn nhiệm Bà Dương Hải Yến thành viên Ban kiểm soát và bầu Ông Nguyễn Tiến Hùng làm thành viên Ban kiểm soát

Danh sách Ban kiểm soát năm 2023, bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban			Bổ nhiệm 01/7/2024
2	Dương Hải Yến	Thành viên			Miễn nhiệm 01/7/2024
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên			Bổ nhiệm 01/7/2024
4	Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên			Bổ nhiệm 01/7/2024

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2023 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty.

- Năm 2023 Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về sự vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành. Có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của các thành viên Ban kiểm soát còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các phòng chức năng quản lý của Công ty và của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 với tổng số tiền là: 506,3 triệu đồng

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 06 thành viên. Trong năm 2023. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.798 triệu đồng

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2023 như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương		Thù lao, Phụ cấp		Tiền thưởng (Tr.đ)	Ghi chú
			Người	Số tiền (Tr.đ)	Người	Số tiền (Tr.đ)		
1	Hội đồng quản trị	06	01	180,5	05	287,9	29,45	
2	Ban Kiểm soát	03			03	168,0	14,0	
3	Thư ký Công ty	01			01	50,4		
4	Người quản lý	06	06	2.617,7			218,14	
	Tổng cộng			2.798		506,3	261,59	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Phụ lục số 2 kèm theo

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2023 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết

của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 190324.011/BCTC-KT3 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC .

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: **mongduongcoal.vn**

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT (3)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Hoàng Trọng Hiệp

Phụ lục số 01**TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH****Bao gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng***(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1376 /BC-TMD, ngày 12 /4/2024)***1) Lý lịch của Giám đốc điều hành Hoàng Trọng Hiệp**

Họ và tên: HOÀNG TRỌNG HIỆP

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 022080008381, cấp ngày 12/8/2021

Ngày tháng năm sinh: 14 tháng 2 năm 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 – Khu Phan Đình Phùng, Cẩm Tây, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- Từ ngày 20/7/2001 ÷ 31/12/2002 Nhân viên phòng KT-CNMT, Mỏ Than Mông Dương.
- Từ ngày 01/01/2003 ÷ 10/2004 Nhân viên phòng Công nghệ khai thác, Công ty Than Mông Dương.
- Từ tháng 10/2004 ÷ 14/3/2006 Quyền phó phòng Công nghệ khai thác, Công ty Than Mông Dương.
- Từ ngày 15/3/2006 ÷ 04/01/2007 Phó phòng Công nghệ khai thác, Công ty Than Mông Dương.
- Từ ngày 05/01/2007 ÷ 01/4/2007 Phó phòng An toàn, Công ty Than Mông Dương-TKV.
- Từ ngày 02/4/2007 ÷ 30/11/2007 Quyền Trưởng phòng An toàn, Công ty Than Mông Dương-TKV.
- Từ ngày 01/12/2007 ÷ 09/12/2008 Quyền Trưởng phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất, Công ty Than Mông Dương-TKV
- Từ ngày 10/12/2008 ÷ 16/4/2010 Trưởng phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương-TKV.
- Từ ngày 17/4/2010 ÷ 18/6/2010 Phó Bí thư Chi bộ Khối Điều hành, Trưởng phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương-TKV.
- Từ ngày 19/6/2010 ÷ 22/11/2012 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty, Phó Bí thư Chi bộ Khối Điều hành, Trưởng phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương-TKV.
- Từ ngày 23/11/2012 ÷ 17/5/2013 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty, Bí thư Chi bộ Khối Điều hành, Trưởng phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương-TKV.
- Từ ngày 18/5/2013 ÷ 19/8/2013 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty, Được giao nhiệm vụ Quản đốc Công trường Đào lò 4, Công ty Cổ phần Than Mông Dương-Vinacomín.

- Từ ngày 20/8/2013 ÷ 25/5/2014 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty, Bí thư Chi bộ Khối Điều hành, Trưởng Trung tâm điều hành an toàn - sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin.

- Từ ngày 26/5/2014 ÷ 11/5/2015 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ ngày 12/5/2015 ÷ 31/12/2016 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ tháng 01/2017 ÷ 4/2017 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Bí thư Chi bộ Khối Điều hành – An toàn – Tiêu thụ, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ tháng 4/2017 ÷ 23/4/2018 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công ty, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ ngày 24/4/2018 ÷ 02/4/2022 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ ngày 03/4/2022 ÷ 09/5/2022 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ ngày 10/5/2022 ÷ 11/7/2022 Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ ngày 12/7/2022 đến nay Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Than Quảng Ninh; Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí Thư Đảng ủy.

Số cổ phần đang nắm giữ: **921** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **921** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2) Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hữu Hùng

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Giới tính: nam nữ

Số CMND: **100588463**,

Ngày tháng năm sinh: 17/4/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Trung, C.Phả, QN**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1994 ÷ 7/1998 Công nhân sửa chữa cơ điện Công ty Địa Chất mỏ.
- Từ tháng 8/1998 ÷ 6/2000 Kỹ thuật viên cơ điện Công ty Than Dương Huy.
- Từ tháng 7/2000 ÷ 3/2003 Kỹ thuật viên Cơ điện XN Than Tân Lập Công ty Than Hòn Gai.
- Từ tháng 4/2003 ÷ 5/2003 Công nhân sửa chữa cơ điện Công trường KT5 Công ty Than Mông Dương.
- Từ tháng 6/2003 ÷ 6/2004 Đội phó Đội Cơ giới hầm lò Công ty Than Mông Dương.
- Từ tháng 7/2004 ÷ 5/2008 Phó Quản Đốc cơ điện công trường Cơ Giới hầm lò Công ty Than Mông Dương.
- Từ tháng 6/2008 ÷ 11/2008 Quyền Phó phòng Cơ điện Vận tải - Công ty CP Than Mông Dương.
- Từ tháng 12/2008 ÷ 9/2012 Phó phòng Cơ Điện Vận Tải Công ty CP Than Mông Dương.
- Từ tháng 10/2012 ÷ 7/2017 Trưởng Phòng Cơ Điện Vận Tải Công ty CP Than Mông Dương.
- Từ tháng 8/2017 ÷ 5/2018 Ủy viên BCH Công đoàn, Trưởng Phòng Cơ Điện Vận Tải Công ty CP Than Mông Dương.
- Từ tháng 6/2018 ÷ 02/2020 Ủy viên BCH Công đoàn, Phó Giám Đốc Công ty CP Than Mông Dương
- Từ tháng 3/2020 ÷ đến nay Ủy viên BCH Đảng bộ, Ủy viên BCH Công đoàn, Phó Giám Đốc Công ty CP Than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng uỷ, Ủy viên BCH Công đoàn.

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.772** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **1.772** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3) Lý lịch của Phó Giám đốc Trần Mạnh Hà

Họ và tên: TRẦN MẠNH HÀ

Giới tính: nam nữ

Số CMND: 010079006411 ngày cấp 13/8/2021 - Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1979

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Bình - Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ

- Từ ngày 10/9/2001 ÷ 15/01/2002 Nhân viên Phòng KTCN-MT, Mỏ Than Mông Dương

- Từ ngày 16/01/2002 ÷ 31/7/2002 Công nhân Công trường Khai thác 4, Công ty Than Mông Dương

- Từ ngày 01/8/2002 ÷ 9/10/2006 Nhân viên Phòng CNKT-MT, Công ty Than Mông Dương

- Từ ngày 10/10/2006 ÷ 25/2/2007 Tham gia khóa học tiếng Nhật và giáo dục định hướng để đi Tu nghiệp tại Nhật Bản trong chương trình đào tạo công nghệ khai thác giữa TKV và tổ chức NEDO – Nhật Bản

- Từ ngày 26/02/2007 ÷ 14/5/2007 Nhân viên Phòng CNKT-MT, Công ty Than Mông Dương

- Từ ngày 15/5/2007 ÷ 13/6/2007 Phó phòng Trung tâm ATM & SX, Công ty than Mông Dương-TKV

- Từ ngày 14/6/2007 ÷ 17/9/2007 Phó Quản đốc kỹ thuật Công trường Khai thác 1, Công ty Than Mông Dương-TKV

- Từ ngày 18/9/2007 ÷ 7/1/2008 Phó Quản đốc kỹ thuật Công trường Khai thác 3, Công ty Than Mông Dương - TKV

- Từ ngày 08/01/2008 ÷ 14/8/2010 Phó phòng kỹ thuật hầm lò, Công ty Cổ phần Than Mông Dương - TKV

- Từ ngày 15/8/2010 ÷ 23/3/2014 Phó phòng CNKT, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV

- Từ ngày 24/3/2014 ÷ 25/5/2014 Phó phòng (Chỉ huy trưởng ca SX) TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.

- Từ ngày 26/5/2014 ÷ 31/12/2014 Trưởng TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 01/01/2015 ÷ 11/5/2015 Bí thư Chi bộ Khối ĐH-AT, Trưởng TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 12/5/2015 ÷ 31/12/2016 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư Chi bộ Khối ĐH-AT, Trưởng TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 01/01/2017 ÷ 10/4/2017 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Bí thư Chi bộ Khối ĐH-AT-TT, Trưởng phòng ĐHSX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 11/4/2017 ÷ 10/8/2017 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng ĐHSX kiêm Trợ lý Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 11/8/2017 ÷ 27/5/2018 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất kiêm Trợ lý Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 28/5/2018 ÷ 08/7/2021 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 09/7/2021 ÷ 05/8/2021 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 06/8/2021 ÷ 09/5/2022 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 10/5/2022 ÷ 04/5/2023 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

- Từ ngày 05/5/2022 đến nay Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng ủy.

Số cổ phần đang nắm giữ: **0** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **0** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4) Lý lịch của Phó Giám đốc Lại Quang Trung

Họ và tên: LAI QUANG TRUNG

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: **022078004176;**

Ngày tháng năm sinh: 15/09/1978;

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 57, tổ 16 ,phố lý bôn –Thành Phố Cẩm Phả -Tỉnh Quảng Ninh.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ;

Quá trình công tác:

- Từ tháng 8/2000 ÷ 12/2001 Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ;

- Từ tháng 01/2002 ÷ 4/2002 Công nhân Công trường Khai thác 1;

- Từ tháng 5/2002 ÷ 8/2002 Nhân viên phòng Trung tâm điều hành An toàn - Sản xuất;

- Từ tháng 9/2002 ÷ 9/2005 Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ;

- Từ tháng 10/2005 ÷ 12/2007 Phó phòng Kỹ thuật công nghệ;

- Từ tháng 01/2008 ÷ 8/2010 Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ

- Từ tháng 09/2010 ÷ 8/2014 Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ;

- Từ tháng 9/2014 ÷ 6/2015 Quản đốc Công trường Đào lò 1;

- Từ tháng 7/2015 ÷ 9/2016 Trưởng phòng Thông gió

- Từ tháng 10/2016 ÷ 06/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ (KCM)

- Từ tháng 7/2017 ÷ 02/2020 Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ (KCM)

- Từ tháng 3/2020 ÷ 24/7/2022 Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ

- Từ ngày 25/7/2022 đến nay Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UVBCH Đảng bộ Công ty

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

5) Lý lịch của Phó Giám đốc Ngô Xuân Thủy

Họ và tên: NGÔ XUÂN THỦY

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 037079000782 Ngày cấp: 10/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 12/8/1979;

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu 6A, Cẩm trung, Cẩm phả, QN

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ;

Quá trình công tác:

- Từ ngày 05/4/2002÷31/10/2002 Nhân viên phòng KTCN-MT, Công ty Than Mông Dương
- Từ ngày 01/11/2002÷14/2/2003 Công nhân Công trường khai thác 1; UVBCH Chi đoàn KT1, Công ty Than Mông Dương
- Từ ngày 15/2/2003÷3/2005 Nhân viên Phòng CNKT, Công ty Than Mông Dương
- Từ tháng 4/2005÷14/7/2008 Nhân viên phòng Kỹ thuật hầm lò, Công ty Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 15/7/2008÷09/12/2008 Quyền Phó phòng Kỹ thuật hầm lò; Chủ tịch công đoàn khối kỹ thuật 1, Công ty Than Mông Dương – TKV.
- Từ ngày 10/12/2008÷01/3/2009 Phó phòng Kỹ thuật hầm lò, Chủ tịch công đoàn khối kỹ thuật 1, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 02/3/2009÷31/12/2009 Phó phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 01/01/2010÷14/8/2010 Phó phòng KT HL, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 15/8/2010÷28/2/2011 Phó phòng CNKT, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 01/3/2011÷9/10/2012 Trưởng phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 10/10/2012÷28/2/2013 Trưởng phòng Thông gió - thoát nước, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 01/3/2013÷14/10/2014 Trưởng phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
- Từ ngày 15/10/2014÷24/3/2015 Quản đốc Công trường Đào lò 2, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 25/3/2015÷30/6/2015 Phó Bí thư chi bộ, Quản đốc Công trường Đào lò 2, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 01/7/2015÷14/12/2016 Trưởng phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 15/12/2016÷10/4/2017 Trưởng phòng TC-LĐ, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 11/4/2017÷07/9/2017 Bí thư chi bộ, Trưởng phòng TC-LĐ, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 08/9/2017÷30/9/2017 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng TC-LĐ, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 01/10/2017÷12/12/2019 Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
- Từ ngày 13/12/2019÷29/3/2020 Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, Bí thư Chi bộ Khối Đảng, đoàn thể, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin

- Từ ngày 30/3/2020÷02/4/2022 Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Khối Đảng, đoàn thể Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin

- Từ ngày 03/4/2022÷01/01/2023 Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Bí thư Chi bộ Khối Đảng, đoàn thể, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin

- Từ ngày 02/01/2023÷04/05/2023 Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin

- Từ ngày 05/05/2023 đến nay Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UV BTV Đảng bộ Công ty; UV BTV Công đoàn.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

6) Lý lịch của Kế toán trưởng Phạm Cẩm Hải.

Họ và tên: PHẠM CẨM HẢI

Giới tính: nam nữ

Số CMND: **022082003610**;

Ngày tháng năm sinh: 30/9/1982

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Cẩm thành-Cẩm phả -Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Từ tháng 3/2007 -:- tháng 09/2008: Công nhân thống kê sản lượng – Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 10/2008 -:- tháng 11/2013: Nhân viên Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2018: Phó Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 12/2018 – 31/12/2023 Kế toán trưởng; Bí thư chi bộ; UVBCH Đảng ủy Công ty CP than Mông Dương.

- Từ 1/1/2024 đến nay Phó phòng Bảo vệ thanh tra pháp chế và kiểm soát nội bộ.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó phòng KB

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;
 Số cổ phần đang nắm giữ: không có;
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không có;
 + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;
 Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

7) Lý lịch của Phụ trách phòng kế toán : Nguyễn Tuyết Mai.

Họ và tên: NGUYỄN TUYẾT MAI

Giới tính: Nữ Nam

Số CCCD: 022188002186 cấp ngày 22/12/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1988

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 7 khu Hai Giếng 2, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp. Thạc sỹ quản lý kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2011 -:- 3/2019 Nhân viên phòng Kế toán , Thống kê, Tài chính
- Từ tháng 4/2019 ÷ 21/3/2024 Phó phòng Kế toán , Thống kê, Tài chính.
- Từ ngày 22/3/2024 ÷ đến nay Phụ trách kế toán thay Kế toán trưởng, phụ trách phòng Kế toán, thống kê, tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;

Số cổ phần đang nắm giữ: không có;

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không có;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Phục lục số 02

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT
ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT TRONG THỜI GIAN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 1376 /BC-TMD, ngày 12 /4/2024)

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). (Bao gồm các Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn như: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông – TKV; - Công ty Kho vận Cẩm Phả - Vinacomin; - Công ty TNHH MTV Môi trường – TKV)	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100256; 21/10/2014 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 3 Dương Đình Nghệ, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 86/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023	Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất	TKV Năm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty
2	Công ty cổ phần Than Hà Lâm - Vincomin (Chủ tịch HĐQT TMD là Chủ tịch HĐQT Công ty)	Có cùng Chủ tịch HĐQT	MST: 5700101637; Sở KHĐT Quảng ninh	P.Hà Lâm, Hạ Long, Quảng Ninh	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 86/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023	Chưa phát sinh giao dịch	
3	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin (Chủ tịch HĐQT TMD)	Có cùng Chủ tịch HĐQT	MST: 5700101877; Sở KHĐT Quảng ninh	Phường Quang Trung, TP Uông Bí, Quảng Ninh	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 86/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023	Chưa phát sinh giao dịch	

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
	là Chủ tịch HĐQT Công ty)							
4	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai – Vinacomin (Chủ tịch HĐQT TMD là Chủ tịch HĐQT Công ty)	Có cùng Chủ tịch HĐQT	MST: 5700101002; Sở KHĐT Quảng ninh	Phường Cẩm Tây, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh;	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 86/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023	Chưa phát sinh giao dịch	
5	Công ty Cổ phần Đồng Tà Phời – Vinacomin. (Trưởng ban Kiểm soát TMD và TB Kiểm soát Công ty).	Có cùng Trưởng ban kiểm soát	Mã số DN: 530025299 Sở KH&ĐT Lào Cai	Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 86/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023	Chưa phát sinh giao dịch	
6	Công ty Cổ phần cơ khí Mỏ và đóng tàu -TKV (Trưởng ban Kiểm soát TMD và TV Kiểm soát Công ty)	Có cùng thành viên ban kiểm soát	Mã số DN: 5700479764; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2023 đến khi có thay đổi khác	Số 86/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023	Chưa phát sinh giao dịch	